



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
102A Phó Cơ Điều, P.Minh Phụng,
TP.HCM
Số: 13/CV-HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----***-----
TP.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên tổ chức niêm yết: **Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông**

Mã chứng khoán: SVT

Trụ sở chính: 102A Phó Cơ Điều, Phường Minh Phụng, Tp.HCM

Điện thoại: (84.028) 39560169 - 0902887582

Fax: (84.028) 39560893

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông công bố thông tin BÁO CÁO
TÀI CHÍNH SOÁT XÉT BÁN NIÊN NĂM 2026

Đính kèm Báo cáo

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào
ngày 14 tháng 08 năm 2026 tại đường dẫn: <http://www.savitechco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người đại diện theo pháp luật
Chủ tịch HĐQT**



Phạm Thị Như Ngọc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>	5 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	11 – 12
<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	13 – 44



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

Khái quát

Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông được thành lập theo Giấy Chứng nhận kinh doanh số 0300716891 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2003 và các đăng ký thay đổi sau đó, lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 ngày 17 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 173.109.780.000 VND.

Hiện cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là SVT.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh các sản phẩm từ giấy và bìa giấy; dịch vụ cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại 102A Phó Cơ Điều, Phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2026 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Như Ngọc	Chủ tịch	
Ông Bùi Quang Khoa	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/04/2026
Ông Nguyễn Bình Quý	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/04/2026
Ông Bùi Quang Minh	Thành viên	
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2026
Bà Lý Thị Ngọc Châu	Thành viên	
Bà Nguyễn Lý Kim Ngân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2026

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Châu	Thành viên
Ông Bùi Quang Toàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Bình Quý	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Minh	Giám đốc đầu tư phát triển
Bà Mai Thị Trúc Giang	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Như Ngọc - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác soát xét và kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Phạm Thị Như Ngọc
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Số: 693 /BCSX/TC/2026/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi:** Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông, được lập ngày 14/08/2026, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc

Tạ Quang Long

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0649-2023-142-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.515.908.763	25.025.709.328
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.688.326.260	548.972.269
1. Tiền	111		2.688.326.260	548.972.269
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.550.000.000	5.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	11.550.000.000	5.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.028.042.865	18.959.469.118
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	760.723.510	683.180.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	703.246.900	503.676.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	4.564.072.455	17.772.613.118
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		90.660.919	90.660.919
1. Hàng tồn kho	141		90.660.919	90.660.919
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		158.878.719	426.607.022
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.6a	59.561.916	413.115.101
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		32.316.803	13.491.921
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.12	67.000.000	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		223.669.315.435	228.364.374.990
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.673.462.695	3.992.086.149
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.673.462.695	3.992.086.149
- Nguyên giá	222		8.935.602.356	8.935.602.356
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.262.139.661)	(4.943.516.207)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.8	9.864.466.230	10.293.356.070
- Nguyên giá	241		22.865.196.201	22.865.196.201
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(13.000.729.971)	(12.571.840.131)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		941.383.878	941.383.878
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.9	941.383.878	941.383.878

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	192.617.782.652	192.617.782.652
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		152.763.660.000	152.763.660.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		26.854.122.652	26.854.122.652
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		13.000.000.000	13.000.000.000
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		16.572.219.980	20.519.766.241
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.6b	16.572.219.980	20.519.766.241
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		244.185.224.198	253.390.084.318



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.679.555.396	17.251.563.081
I. Nợ ngắn hạn	310		7.679.555.396	17.251.563.081
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	182.234.592	907.693.494
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	528.218.597	482.416.320
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.12	67.306.850	275.021.566
5. Phải trả người lao động	315		313.577.832	495.719.923
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.13	84.410.000	205.690.574
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.14	5.412.184.949	5.900.938.166
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.15	17.622.119	8.073.083.414
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		-	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	1.074.000.457	910.999.624
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

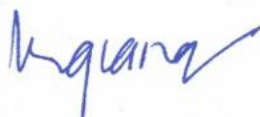
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.17	236.505.668.802	236.138.521.237
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		173.109.780.000	173.109.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		173.109.780.000	173.109.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.350.969.208	5.350.969.208
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		53.244.919.594	52.877.772.029
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		52.377.772.029	26.032.257.585
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		867.147.565	26.845.514.444
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		244.185.224.198	253.390.084.318

Người lập biểu



Mai Thị Trúc Giang

Kế toán trưởng



Mai Thị Trúc Giang

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Như Ngọc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12.034.188.660	1.363.636.362
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.034.188.660	1.363.636.362
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12.537.399.417	537.328.126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(503.210.757)	826.308.236
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	3.377.664.883	12.069.871.149
8. Chi phí tài chính	23		-	-
Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	1.651.277.500	1.980.105.421
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.223.176.626	10.916.073.964
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	VI.5	356.029.061	-
14. Lợi nhuận khác	40		(356.029.061)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		867.147.565	10.916.073.964
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	204.420.893
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		867.147.565	10.711.653.071
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.7	21	613
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.7	21	613

Người lập biểu



Mai Thị Trúc Giang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Kế toán trưởng



Mai Thị Trúc Giang



Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Như Ngọc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		867.147.565	10.916.073.964
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		747.513.294	461.954.346
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(3.377.664.883)	(12.069.871.149)
- Chi phí đi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.763.004.024)	(691.842.839)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.140.032.868	(1.721.717.498)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.025.736.971)	(87.556.476)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		4.301.099.446	122.934.495
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(280.735.547)	(208.242.121)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(336.999.167)	(25.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.034.656.605	(2.612.124.439)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(428.536.000)	(1.223.424.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.000.000.000)	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		450.000.000	9.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(7.104.300.000)
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.083.233.386	2.230.000.000
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(3.895.302.614)	(1.097.724.000)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

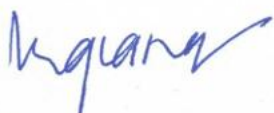
(theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.139.353.991	(3.709.848.439)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		548.972.269	5.434.911.629
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.688.326.260	1.725.063.190

Người lập biểu



Mai Thị Trúc Giang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Kế toán trưởng



Mai Thị Trúc Giang

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Như Ngọc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông được thành lập theo Giấy Chứng nhận kinh doanh số 0300716891 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2003 và các đăng ký thay đổi sau đó, lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 173.109.780.000 VND.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là SVT.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 là: 46 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 46 người).

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh các sản phẩm từ giấy và bìa giấy; dịch vụ cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại 102A Phó Cơ Điều, Phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30/06/2026 Công ty có các Công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa giấy	230.400.000.000	35,77%	35,77%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Giáo dục mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo ngoại ngữ và tin học	136.890.000.000	30,00%	30,00%

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Trong kỳ Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác, ...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

c) Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Cuối kỳ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản; còn các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20	05 – 20
- Máy móc, thiết bị	10	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	08 – 10	08 – 10

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do bán bất động sản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư của Công ty là công trình tòa nhà 6 tầng (bao gồm các trang thiết bị quản lý kèm theo) được sử dụng vào hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25	25
- Trang thiết bị quản lý	10	10

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian phù hợp với thời gian tạo ra lợi ích kinh tế tương ứng. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chi phí chờ phân bổ được theo dõi theo từng kỳ hạn đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí chờ phân bổ khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí chờ phân bổ để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Chi phí chờ phân bổ để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chờ phân bổ của Công ty trong kỳ kế toán. Doanh thu chờ phân bổ gồm các khoản doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về học phí, cho thuê tài sản; Các khoản doanh thu chờ phân bổ khác như: Khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống,...

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá. Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối và phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a) Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm và hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c) Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d) Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật, ...

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, ...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác, ...



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

18. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	2.688.326.260	548.972.269
+ Tiền gửi VND	2.688.326.260	548.972.269
Ngân hàng Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 12	1.809.951.258	320.985.501
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	877.743.188	227.355.316
Các ngân hàng khác	631.814	631.452
Cộng	2.688.326.260	548.972.269

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Cho bên thứ ba vay	13.000.000.000	13.000.000.000	-	13.000.000.000	13.000.000.000	-
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội (iii)	13.000.000.000	13.000.000.000	-	13.000.000.000	13.000.000.000	-
Cộng	13.000.000.000	13.000.000.000	-	13.000.000.000	13.000.000.000	-

(iii) Khoản cho Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội vay theo Hợp đồng vay vốn kinh doanh ngày 17/12/2025 để bổ sung vốn kinh doanh thương mại ngành giấy tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn cho vay là 24 tháng, lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đối tượng đầu tư	30/06/2026			01/01/2026		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (i)	35,77%	152.763.660.000		35,77%	152.763.660.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt (ii)	30,00%	113.496.660.000		30,00%	113.496.660.000	
		39.267.000.000			39.267.000.000	
Cộng		152.763.660.000			152.763.660.000	
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Giá trị thuần		-			-	
		152.763.660.000			152.763.660.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0305623305 cấp lần đầu ngày 27/02/2008, thay đổi gần nhất (lần thứ 09) ngày 22/10/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp với vốn điều lệ là 230.400.000.000 VND. Trong đó, Công ty sở hữu 8.241.600 cổ phiếu có giá trị là 82.416.000.000 VND, tương đương 35,77% vốn điều lệ. Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực tương đương tỷ lệ sở hữu.
- (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0306213397 cấp lần đầu ngày 28/01/2010, thay đổi gần nhất (lần thứ 15) ngày 29/12/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp với vốn điều lệ là 136.890.000.000 VND. Trong đó, Công ty sở hữu 4.106.700 cổ phiếu có giá trị là 41.067.000.000 VND, tương đương 30,00% vốn điều lệ. Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt tương đương tỷ lệ sở hữu.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối tượng góp vốn	30/06/2026		01/01/2026	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	15,79%	26.854.122.652	15,79%	26.854.122.652
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	4,95%	21.312.900.000	4,95%	21.312.900.000
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	4,70%	2.225.790.000	4,70%	2.225.790.000
		1.500.000.000		1.500.000.000
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	1,77%	1.215.000.000	1,77%	1.215.000.000
Công ty Cổ phần Chè - Cà phê Di Linh	0,90%	600.432.652	0,90%	600.432.652
Cộng		26.854.122.652		26.854.122.652
Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-		-
Giá trị thuần		26.854.122.652		26.854.122.652

Tỷ lệ biểu quyết tại các Công ty này bằng với tỷ lệ sở hữu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	760.723.510	683.180.000
<i>Khách hàng là bên liên quan</i>	<i>542.327.400</i>	<i>630.000.000</i>
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	422.327.400	630.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	120.000.000	-
<i>Khách hàng là bên thứ ba</i>	<i>218.396.110</i>	<i>53.180.000</i>
Các khách hàng khác	218.396.110	53.180.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	760.723.510	683.180.000
Dự phòng phải thu khách hàng	-	-
Giá trị thuần	760.723.510	683.180.000

4. Trả trước người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	703.246.900	503.676.000
<i>Nhà cung cấp là bên thứ ba</i>	<i>703.246.900</i>	<i>503.676.000</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Thuận An	362.016.000	362.016.000
Các nhà cung cấp khác	341.230.900	141.660.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	703.246.900	503.676.000
Dự phòng trả trước người bán	-	-
Giá trị thuần	703.246.900	503.676.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	4.564.072.455	17.772.613.118
Tạm ứng	10.000.000	31.050.000
Ký cược, ký quỹ	26.300.000	31.300.000
Phải thu khác	4.527.772.455	17.710.263.118
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	<i>4.076.512.181</i>	<i>7.349.916.256</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	209.490.411	1.015.891.189
- Lãi cho vay	209.490.411	898.109.589
- Khoản Hoàng Việt thu hộ cho Công ty	-	117.781.600
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	3.755.732.270	6.334.025.067
- Lãi cho vay	542.447.476	1.785.316.438
- Cổ tức được chia	1.700.000.000	-
- Khoản Công ty chi hộ cho Việt Mỹ	552.001.574	478.420.737
- Khoản Việt Mỹ thu hộ cho Công ty	961.283.220	4.070.287.892
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô (cổ tức được chia)	111.289.500	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba</i>	<i>451.260.274</i>	<i>10.360.346.862</i>
Trường THPT Việt Mỹ Anh (khoản thu hộ)	-	10.286.472.439
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội (lãi cho vay)	451.260.274	36.630.137
Các đối tượng khác	-	37.244.286
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.564.072.455	17.772.613.118
Dự phòng phải thu khác	-	-
Giá trị thuần	4.564.072.455	17.772.613.118

6. Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	59.561.916	413.115.101
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	29.325.011	244.997.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.236.905	168.117.105
b) Dài hạn	16.572.219.980	20.519.766.241
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.316.659.345	2.480.260.992
Chi phí sửa chữa	13.220.288.977	15.818.537.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.271.658	2.220.967.386
Cộng	16.631.781.896	20.932.881.342

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình					
Số dư đầu kỳ (01/01/2026)	7.116.306.602	1.551.960.000	92.780.000	174.555.754	8.935.602.356
Số dư cuối kỳ (30/06/2026)	7.116.306.602	1.551.960.000	92.780.000	174.555.754	8.935.602.356
Giá trị đã hao mòn					
Số dư đầu kỳ (01/01/2026)	4.657.704.739	18.475.714	92.780.000	174.555.754	4.943.516.207
Trích khấu hao trong kỳ	207.769.170	110.854.284	-	-	318.623.454
Số dư cuối kỳ (30/06/2026)	4.865.473.909	129.329.998	92.780.000	174.555.754	5.262.139.661
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ (01/01/2026)	2.458.601.863	1.533.484.286	-	-	3.992.086.149
Tại ngày cuối kỳ (30/06/2026)	2.250.832.693	1.422.630.002	-	-	3.673.462.695

* Ghi chú:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 4.890.412.298 đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là toà nhà 6 tầng Việt Mỹ (bao gồm các trang thiết bị quản lý kèm theo) tại địa chỉ số 252 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh đang được sử dụng vào hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty.

Đơn vị tính: VND

	Công trình tòa nhà 6 tầng	Trang thiết bị quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản bất động sản đầu tư</i>			
Số dư đầu năm (01/01/2026)	21.444.491.910	1.420.704.291	22.865.196.201
Số dư cuối kỳ (30/06/2026)	21.444.491.910	1.420.704.291	22.865.196.201
<i>Giá trị đã hao mòn</i>			
Số dư đầu năm (31/12/2026)	11.151.135.840	1.420.704.291	12.571.840.131
Trích khấu hao trong kỳ	428.889.840	-	428.889.840
Số dư cuối kỳ (30/06/2026)	11.580.025.680	1.420.704.291	13.000.729.971
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm (01/01/2026)	10.293.356.070	-	10.293.356.070
Tại ngày cuối kỳ (30/06/2026)	9.864.466.230	-	9.864.466.230

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.420.704.291 VND.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là công trình Khởi nhà số 2 tại địa chỉ 252 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh đang trong giai đoạn chờ xét duyệt các hồ sơ pháp lý liên quan để tiếp tục xây dựng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Phải trả người bán

	30/06/2026		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
<i>Phải trả các nhà cung cấp là bên liên quan</i>	182.234.592	182.234.592	907.693.494	907.693.494
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	-	-	61.076.112	61.076.112
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	-	-	57.128.712	57.128.712
<i>Các nhà cung cấp là bên thứ ba</i>	182.234.592	182.234.592	3.947.400	3.947.400
Công ty TNHH MTV SX-CK-XD Nhôm kính sắt inox Đức Trí	74.796.902	74.796.902	846.617.382	846.617.382
Công ty TNHH Aden Services (Việt Nam)	46.591.200	46.591.200	174.796.902	174.796.902
Các nhà cung cấp khác	60.846.490	60.846.490	335.558.160	335.558.160
	-	-	336.262.320	336.262.320
b) Dài hạn	-	-	-	-
	182.234.592	182.234.592	907.693.494	907.693.494

Cộng

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

11. Người mua trả tiền trước

	30/06/2026		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
<i>Các khách hàng là các bên thứ ba</i>	528.218.597	528.218.597	482.416.320	482.416.320
Học phí, tiền ăn trả trước	528.218.597	528.218.597	482.416.320	482.416.320
b) Dài hạn	-	-	-	-
	528.218.597	528.218.597	482.416.320	482.416.320

Cộng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2026		Phát sinh trong kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	213.735.547	-	(280.735.547)	67.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	61.286.019	132.776.621	(135.213.738)	-	58.848.902
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	8.457.948	-	-	8.457.948
Cộng	-	275.021.566	141.234.569	(415.949.285)	67.000.000	67.306.850



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	84.410.000	205.690.574
Trích trước chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh	84.410.000	205.690.574
b) Dài hạn	-	-
Cộng	84.410.000	205.690.574

14. Doanh thu chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	5.412.184.949	5.900.938.166
Doanh thu học phí chờ phân bổ	5.412.184.949	5.900.938.166
b) Dài hạn	-	-
Cộng	5.412.184.949	5.900.938.166

15. Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	17.622.119	8.073.083.414
Trường Trung học phổ thông Việt Mỹ Anh	-	8.019.360.738
Các đối tượng khác	17.622.119	53.722.676
b) Dài hạn	-	-
Cộng	17.622.119	8.073.083.414

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tại ngày 01/01	910.999.624	862.599.624
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	500.000.000	100.000.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(336.999.167)	(25.700.000)
Tại ngày 30/06	1.074.000.457	936.899.624

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	Số dư đầu năm trước	Số dư cuối năm trước				
Số dư đầu năm trước (01/01/2025)	173.109.780.000	173.109.780.000	4.800.000.000	5.350.969.208	52.098.724.585	235.359.473.793
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	26.845.514.444	26.845.514.444
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(25.966.467.000)	(25.966.467.000)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư cuối năm trước (31/12/2025)	173.109.780.000	173.109.780.000	4.800.000.000	5.350.969.208	52.877.772.029	236.138.521.237
Số dư đầu năm nay (01/01/2026)	173.109.780.000	173.109.780.000	4.800.000.000	5.350.969.208	52.877.772.029	236.138.521.237
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	867.147.565	867.147.565
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư cuối kỳ này (30/06/2026)	173.109.780.000	173.109.780.000	4.800.000.000	5.350.969.208	53.244.919.594	236.505.668.802



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực
Vốn góp của các cổ đông khác

30/06/2026	%	01/01/2026	%
VND		VND	
57.597.030.000	33,27	57.597.030.000	33,27
12.816.580.000	7,40	12.816.580.000	7,40
102.696.170.000	59,32	102.696.170.000	59,32
173.109.780.000	100	173.109.780.000	100

Cộng

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
VND	VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm
Vốn góp tăng trong kỳ
Vốn góp giảm trong kỳ
Vốn góp cuối kỳ

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

d) Cổ tức

173.109.780.000	173.109.780.000
-	-
-	-
173.109.780.000	173.109.780.000
-	-

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-SVT-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026. Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua: Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt, tương đương 17.310.978.000 VND. Khoản cổ tức phải trả này chưa được hạch toán trong báo cáo tài chính do chưa có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

e) Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.310.978	17.310.978
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.310.978	17.310.978
- Cổ phiếu phổ thông	17.310.978	17.310.978
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.310.978	17.310.978
- Cổ phiếu phổ thông	17.310.978	17.310.978
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Doanh thu hoạt động giáo dục	11.922.535.343	-
Doanh thu dịch vụ khác	111.653.317	1.363.636.362
Cộng	12.034.188.660	1.363.636.362

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Giá vốn hoạt động giáo dục	12.535.034.417	-
Giá vốn dịch vụ khác	2.365.000	537.328.126
Cộng	12.537.399.417	537.328.126

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	780.085.383	1.990.401.649
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.597.579.500	10.079.469.500
Cộng	3.377.664.883	12.069.871.149

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.242.071.260	1.490.660.458
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	7.666.614	52.597.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	401.539.626	436.847.466
Cộng	1.651.277.500	1.980.105.421

5. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	355.620.844	-
Chi phí khác	408.217	-
Cộng	356.029.061	-

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với các thuế suất: Hoạt động giáo dục 10% trên thu nhập chịu thuế và 20% trên thu nhập chịu thuế đối với các hoạt động còn lại.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	867.147.565	10.916.073.964
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(2.009.360.118)	(9.893.969.500)
- Các khoản điều chỉnh tăng	588.219.382	185.500.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.597.579.500)	(10.079.469.500)
Tổng thu nhập chịu thuế	(1.142.212.553)	1.022.104.464
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất phổ thông 20%	-	204.420.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hoạt động được ưu đãi 10%	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	204.420.893

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	867.147.565	10.711.653.071
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(500.000.000)	(100.000.000)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>(500.000.000)</i>	<i>(100.000.000)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	367.147.565	10.611.653.071
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.310.978	17.310.978
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	613
Công ty không có lãi suy giảm trên cổ phiếu.		

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.666.614	119.513.329
Chi phí nhân công	5.261.588.247	1.490.660.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	747.513.294	461.954.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.042.913.450	433.847.466
Chi phí khác bằng tiền	126.630.312	11.457.948
Cộng	14.186.311.917	2.517.433.547

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	Cổ đông lớn, chiếm 33,27% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Cổ đông lớn chiếm 7,4% vốn điều lệ và Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
- Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của Thành viên quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		426.600.000	424.000.000
Ông Bùi Quang Khoa	Tổng Giám đốc Miễn nhiệm ngày 11/11/2025	-	159.700.000
Ông Nguyễn Bình Quý	Tổng Giám đốc	142.400.000	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	153.400.000	145.000.000
Bà Mai Thị Trúc Giang	Kế toán trưởng	130.800.000	119.300.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị		248.000.000	240.000.000
Bà Phạm Thị Như Ngọc	Chủ tịch	124.000.000	120.000.000
Ông Bùi Quang Khoa	Phó Chủ tịch Miễn nhiệm ngày 24/04/2026	32.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Bình Quý	Phó Chủ tịch Bổ nhiệm ngày 24/04/2026	17.000.000	-
Ông Bùi Quang Minh	Thành viên	25.000.000	24.000.000
Bà Lý Thị Ngọc Châu	Thành viên	25.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên Miễn nhiệm ngày 24/04/2026	16.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Lý Kim Ngân	Thành viên Bổ nhiệm ngày 24/04/2026	9.000.000	-
Thu nhập của thành viên Ban kiểm soát		69.000.000	66.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Trưởng Ban	31.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Châu	Thành viên	19.000.000	18.000.000
Ông Bùi Quang Toàn	Thành viên	19.000.000	18.000.000
Cộng		743.600.000	730.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan khác. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Đơn vị tính: VND Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Cổ đông lớn chiếm 7,4% vốn điều lệ và Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	27.708.114	-
		Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	29.966.946	-
		Thu hộ	35.880.000	-
		Thanh toán tiền thu hộ	35.880.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cổ tức được chia	111.289.500	111.289.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	109.090.908	218.181.816
		Mua hàng hóa, dịch vụ	278.987.502	-
		Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	336.116.214	-
		Cho vay	-	4.000.000.000
		Thu tiền cho vay	450.000.000	
		Cổ tức được chia	-	5.475.600.000
		Thu tiền cổ tức được chia	-	2.000.000.000
		Lãi cho vay phải thu	162.860.274	644.958.904
		Thu tiền lãi cho vay	851.479.452	-
		Hoàng Việt Thanh toán tiền thu hộ	117.781.600	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.155.000	1.145.454.546
		Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	210.000.000	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.647.000	-
		Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	5.726.160	-
		Cho vay	7.000.000.000	-
		Thu tiền cho vay	-	9.000.000.000
		Góp vốn cổ phần	-	7.104.300.000
		Cổ tức được chia	2.131.290.000	4.262.580.000
		Thu tiền cổ tức được chia	431.290.000	-
		Lãi cho vay phải thu	148.438.357	823.123.287
		Lãi cho vay đã thu	1.391.307.319	-
		Tiền chi hộ phải thu	554.415.504	699.999.551
		Tiền chi hộ đã thu	525.187.906	574.047.527
		Tiền Việt Mỹ thu hộ	959.123.550	-
		Việt Mỹ thanh toán tiền thu hộ	4.068.128.222	-
		Tiền thu hộ phải trả	22.290.000	-
		Tiền thu hộ đã trả	5.430.000	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	30/06/2026
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt Công ty liên kết	Phải thu cổ tức được chia (thuyết minh V.5)	111.289.500	-
		Phải thu tiền bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (thuyết minh V.3)	120.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt		Phải thu từ cho vay (thuyết minh V.2)	4.550.000.000	5.000.000.000
		Phải thu lãi cho vay (thuyết minh V.5)	209.490.411	898.109.589
		Phải thu khoản Hoàng Việt thu hộ (thuyết minh V.5)	-	117.781.600
		Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ (Thuyết minh V.10)	-	57.128.712
		Phải thu tiền bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (thuyết minh V.3)	422.327.400	630.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Cùng chung thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu từ cho vay (thuyết minh V.2)	7.000.000.000	-
		Phải thu cổ tức được chia (thuyết minh V.5)	1.700.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay (thuyết minh V.5)	542.447.476	1.785.316.438
		Phải thu khoản chi hộ tiền điện, chi hộ khác (thuyết minh V.5)	552.001.574	478.420.737
		Phải thu khoản Việt Mỹ thu hộ (thuyết minh V.5)	961.283.220	4.070.287.892
		Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ (Thuyết minh V.10)	-	3.947.400



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: hoạt động giáo dục và hoạt động khác. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau.

Kỳ này	Doanh thu hoạt động giáo dục (VND)	Doanh thu hoạt động khác (VND)	Cộng (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	11.922.535.343	111.653.317	12.034.188.660
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(12.535.034.417)	(2.365.000)	(12.537.399.417)
Chi phí quản lý	(834.024.070)	(817.253.430)	(1.651.277.500)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	(1.446.325.736)	(708.162.521)	(2.154.488.257)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(2.154.488.257)
Doanh thu tài chính			3.377.664.883
Chi phí tài chính			-
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			(356.029.061)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			867.147.565

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND			
		30/06/2026	01/01/2026
		Giá trị sổ sách	Dự phòng
			Giá trị sổ sách
			Dự phòng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền		2.688.326.260	-
Phải thu khách hàng		760.723.510	-
Các khoản phải thu khác		4.564.072.455	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		24.550.000.000	-
Cộng		32.563.122.225	37.004.765.387

Đơn vị tính: VND			
		Giá trị sổ sách	
		30/06/2026	01/01/2026
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán		182.234.592	907.693.494
Chi phí phải trả		84.410.000	205.690.574
Các khoản phải trả khác		17.622.119	8.073.083.414
Cộng		284.266.711	9.186.467.482

Cộng

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, phải thu khác, phải trả người bán, và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng được Công ty đánh giá dựa trên thông tin về khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30/06/2026, Công ty không có đảm bảo cho đơn vị khác bất kỳ tài sản nào và Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng và cho vay).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty cho bên liên quan và đối tác vay tiền. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản cho vay là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Đơn vị tính: VND Cộng
Số cuối kỳ (30/06/2026)	284.266.711	-	284.266.711
Phải trả người bán	182.234.592	-	182.234.592
Chi phí phải trả	84.410.000	-	84.410.000
Các khoản phải trả khác	17.622.119	-	17.622.119
Số đầu kỳ (01/01/2026)	9.186.467.482	-	9.186.467.482
Phải trả người bán	907.693.494	-	907.693.494
Chi phí phải trả	205.690.574	-	205.690.574
Các khoản phải trả khác	8.073.083.414	-	8.073.083.414

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của mình. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty đã điều chỉnh lại số liệu một số chỉ tiêu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 (gọi tắt là "BCTC 2025") do Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT/BTC ngày 27/10/2025 thay cho Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 (gọi tắt là "BCTC 2025") như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trên BCTC 2025 (đã công bố)	Số liệu so sánh trên BCTC (trình bày lại)	Đơn vị tính: VND Số liệu thay đổi tăng/ giảm
a/ Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.000.000.000		5.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	13.000.000.000		13.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	13.000.000.000	(13.000.000.000)

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Người lập biểu



Mai Thị Trúc Giang

Kế toán trưởng



Mai Thị Trúc Giang

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Như Ngọc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026